

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG THỜI KỲ ĐẦU THÀNH LẬP (1906-1908)

Đào Thị Điển (*)

Trường Đại học Đông Dương (ĐHDD) được thành lập bằng Nghị định ngày 16-5-1906 và được phép làm lễ khánh thành bằng Nghị định ngày 12-6-1907 của Toàn quyền Đông Dương Paul Beau. Vì nhiều lý do nên mãi cho đến bốn tháng sau, ngày 10-11-1907, các điều kiện chuẩn bị mới hoàn tất và lễ khánh thành mới được tổ chức tại Phủ Toàn quyền cũ (khu nhượng địa) ở Hà Nội, dưới sự chủ tọa của Thống sứ Bắc Kỳ De Miribel.

Trong diễn văn đọc trước gần như toàn bộ các quan chức Pháp và Việt ở Hà Nội có mặt tại buổi lễ, Tổng Giám đốc Học chính Gourdon đã nêu rõ mục đích của trường ĐHDD *“không phải là nhằm đào tạo nên những cử nhân hay những tiến sĩ và thành lập tại Hà Nội những Khoa giống như ở chính quốc”*[2, tr.7]. Tổng Giám đốc Học chính cũng giải thích lý do đã chọn tên *“Trường Đại học”* để đặt cho tổ chức mới thành lập này vì nó có bản chất tương tự với các trường học khác cũng mang tên *“trường Đại học”* ở một số trung tâm tại Viễn đông. Cuối cùng, vào cuối tháng 11-1906, lễ khai giảng năm học đầu tiên của trường ĐHDD đã được tổ chức.

Tuy nhiên, sau khi năm học đầu tiên này kết thúc, trường ĐHDD đã đột ngột đóng cửa, không một lời giải thích của bất cứ một vị quan chức nào trong bộ máy chính quyền thuộc địa. Để có thể tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự đóng

cửa đột ngột của trường ĐHDD, trước tiên chúng ta cần phải tìm hiểu quá trình và mục tiêu thành lập cũng như vấn đề đào tạo của trường đại học nổi tiếng này.

I. Quá trình và mục tiêu thành lập trường Đại học Đông Dương

Có thể nói rằng, sự ra đời của trường ĐHDD gắn liền với tên tuổi của Paul Beau, Toàn quyền thứ 13 của Pháp ở Đông Dương và quá trình hình thành trường đại học đầu tiên của xứ thuộc địa này cũng gắn liền với công cuộc cải cách giáo dục ở Đông Dương mà Paul Beau là người khởi xướng.

Là một trong những Toàn quyền đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục đối với người bản xứ, ngay từ khi đặt chân đến Đông Dương, Paul Beau đã vạch ra một chương trình hành động cho chính phủ, trong đó việc thành lập cứu trợ y tế và tổ chức giáo dục công là những điểm cơ bản.

Thời kỳ Paul Beau mới đến Đông Dương⁽¹⁾, giáo dục chỉ là một công việc hoàn toàn có tính chất địa phương, trực thuộc các viên quản lý hành chính của mỗi xứ trong toàn Liên bang. Không có một sự hợp tác chặt chẽ nào, không có một hướng chỉ đạo chung thống nhất nào. Ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và ngay cả ở Cambodge, chỉ có hai loại hình giáo dục dành cho người bản xứ: một loại gồm

(*) TS., Trung tâm lưu trữ Quốc gia I

(1) Paul Beau chính thức nhậm chức Toàn quyền Đông Dương ngày 15-10-1902.

giáo dục quốc gia truyền thống với các trường dạy chữ Hán trong các xứ của người Việt Nam và một loại khác gồm các trường của các chùa trong các xứ của người Khơ-me. Ngoài ra còn có các trường Pháp - bản xứ dạy tiếng Pháp với những yếu tố giáo dục của phương tây. Song các trường này lại rất khan hiếm và ít học sinh, trừ Nam Kỳ là nơi mà chữ Hán đã bị bỏ hẳn, không dùng nữa và là nơi mà các trường Pháp - bản xứ đã tương đối phát triển.

Ngoài ra, một số trường đào tạo đội ngũ công chức, trí thức Tây học sẵn sàng phục vụ, cộng tác với Pháp đã được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa: Trường dạy nghề Hà Nội (*Ecole professionnelle de Hanoi*) do Phòng Thương mại Hà Nội tổ chức năm 1898; Trường Công chính (*Ecole des Travaux Publics*) đào tạo nhân viên kỹ thuật công chính thành lập năm 1902; Trường Y khoa Đông Dương (*Ecole de Médecine de l'Indochine*) - tiền thân của Đại học Y ngày nay cũng được thành lập năm 1902; Trường Y tế thực hành bản xứ (*Ecole...*) ở Nam Kỳ nhằm đào tạo y tá và nữ hộ sinh cho các làng xã Nam Kỳ thành lập năm 1903; Trường học nghề ở Sài Gòn (*Ecole professionnelle de Saigon*) mở năm 1904 nhằm đào tạo công nhân kỹ thuật người bản xứ; Trường Hậu bổ Hà Nội (*Ecole d'Administration de Hanoi*) để đào tạo tri phủ, tri huyện, huấn đạo, giáo thụ thành lập năm 1905 v.v...

Trước tình hình đó, Paul Beau đã kiên quyết tổ chức một cuộc cải cách có phương pháp và hoàn chỉnh, bắt đầu bằng việc thành lập Sở Học chính Đông Dương (*Direction de l'Instruction publique de l'Indochine*), một tổ chức

“*chịu trách nhiệm đưa ra một sự xung động toàn thể về sự nghiệp giáo dục trong toàn xứ Đông Dương*” và giao cho Henri Gourdon làm Tổng Giám đốc.

Ngay năm 1904, nhiều nghị định đã được ký, xác định những nét lớn trong tổ chức giáo dục Pháp - bản xứ, chia giáo dục ra làm hai bậc: giáo dục tiểu học (*enseignement primaire*) và giáo dục bổ túc (*enseignement complémentaire*). Ở các trường tiểu học, ngoài thực hành tiếng Pháp và những kiến thức cơ bản cần thiết khác, học sinh còn được trang bị thêm những khái niệm trình tự (*les notions d'ordre*). Mục đích của giáo dục bản xứ là chuẩn bị đào tạo nên những nhân viên phụ tá cho các bậc trung bình trong hệ thống ngạch bậc hành chính và bắt đầu trang bị cho học sinh một nền văn hoá đích thực, nền văn hoá phương tây mới, vừa văn học lại vừa khoa học, khác hẳn văn hoá truyền thống Trung Hoa hoàn toàn mang tính chất văn học. Nhưng trên thực tế, số thanh niên bản xứ mong muốn được học tập theo kiểu Pháp như vậy vẫn còn rất hiếm.

Trong các trường dạy chữ Hán, phần lớn trẻ em vẫn tiếp tục được giảng dạy theo truyền thống, một kiểu giảng dạy đã lỗi thời, không phù hợp với yêu cầu mới. Xuất phát từ ý muốn hiện đại hoá cách giảng dạy mà vẫn không bị đối chọi với những ý tưởng và tình cảm của dân chúng, ngày 9-3-1906, Toàn quyền Paul Beau đã ký Nghị định thành lập Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ (*Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement Indigène*), nhằm tập hợp tất cả các nhân vật Pháp và bản xứ ở tất cả các nước của Đông Dương có khả năng đưa ra những ý kiến sáng suốt về lĩnh vực này. Hội đồng đã họp phiên đầu tiên

vào tháng 4 năm 1906 và ngay tháng sau, dụ của vua Thành Thái về tổ chức giáo dục bản xứ đã được nghị định của Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn. Việc giảng dạy hoàn toàn bằng chữ Hán đã bị xoá bỏ, và việc giảng dạy mới được thành lập. Ở cấp một, học sinh học cả chữ Hán và chữ quốc ngữ; lên cấp hai chỉ còn lại chữ Hán, chữ quốc ngữ và một phần tiếng Pháp không bắt buộc nhưng ở cấp ba thì chữ Hán, chữ quốc ngữ và tiếng Pháp đều bắt buộc như nhau.

Việc còn lại là phải thành lập một tổ chức thống nhất cho hai loại hình giảng dạy này nhằm làm cho thanh niên có sự lựa chọn. Đó cũng là xuất phát điểm của ý tưởng thành lập một trường đại học ở Đông Dương, vừa để tiếp nhận những học sinh tốt nghiệp cấp ba của hệ thống giáo dục truyền thống, vừa để tiếp nhận những học sinh tốt nghiệp cấp ba của hệ thống giáo dục Pháp - bản xứ.

Có thể nói rằng, cuộc cải cách giáo dục mà Paul Beau thực hiện đã đặt nền móng cho toàn bộ nền giáo dục ba cấp của Pháp ở Việt Nam cho đến tận năm 1945.

Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ được thành lập theo Nghị định ngày 9-3-1906 có trách nhiệm nghiên cứu *“những điều kiện để thành lập và hoạt động của một trường đại học gồm các môn giảng dạy ở bậc đại học dành cho người bản xứ và người châu Á”*.

Tại phiên họp thứ nhất của Hội đồng ngày 11-4-1906, trong bài diễn văn khai mạc, Paul Beau đã nhấn mạnh:

“Người ta nói, từ “đại học” này có vẻ như là một tham vọng. Cần phải cho nó một từ khác cùng nghĩa với các trường ở các nước lân cận, nhất là Trung Quốc, đã được thành lập từ lâu nay.

“... có thể khẳng định rằng chúng ta có thể chiếm hữu tại chỗ, ở Sài Gòn và ở Hà Nội, tất cả những yếu tố cần thiết để thành lập ở Đông Dương một hoặc vài trung tâm giảng dạy bậc đại học bản xứ có khả năng cạnh tranh với tất cả những ai có thể thành lập ở chỗ khác những trung tâm như thế, nhằm thử làm thoả mãn lòng khát khao chiếm lĩnh nhanh đến thế cái tinh thần Viễn - Đông...”[2, tr.2].

Lời nói đó chỉ rõ mục tiêu của trường dự định thành lập.

Cũng tại phiên họp này, sau nhiều cuộc tranh luận, Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ đã nhất trí đề nghị lên Toàn quyền một bản báo cáo nêu rõ:

“Ngài cũng đã tự mình đề xuất với Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ tầm quan trọng của việc thiết lập một trường Đại học ở Hà Nội và Sài Gòn. Trường Đại học sẽ là một trung tâm giảng dạy giáo dục bậc đại học, đỉnh cao học vấn ở Đông Dương của những người được chúng ta bảo hộ, dù họ đến từ các trường Pháp - bản xứ hoặc các trường truyền thống được cải cách và nâng cao của đất nước họ. Không muốn sao chép thể chế và chương trình của các trường Đại học tại Pháp, Đại học Đông Dương, trong khi đáp ứng các nhu cầu kinh tế và hành chính của thuộc địa trong các ban kỹ thuật, sẽ cố gắng hướng dẫn tinh thần khoa học và phương pháp học tập và nghiên cứu hiện đại cho những người xuất sắc trong số những người được chúng ta bảo hộ và những người châu Á các nước láng giềng. Trường Đại học sẽ cố gắng tạo nên ở Đông Dương một trung tâm văn hoá Âu châu như vậy sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển tri thức của những người dân được chúng ta

bảo hộ và tăng cường ảnh hưởng của nước chúng ta tại Viễn Đông”[1, tr.807].

Đề nghị của Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ về việc thành lập trường ĐHDD đã được chuẩn y bằng Nghị định số 1514a ngày 16-5-1906 do Toàn quyền Đông Dương Paul Beau ký ban hành[3]. Nghị định này có một tầm quan trọng đặc biệt vì nó chính là văn bản đặt nền móng cho một trường Đại học đầu tiên theo mô hình của Pháp tại Đông Dương. Mặc dù mục đích đề ra khá khiêm tốn, nhằm “*đào tạo nhân viên bản xứ cho các bộ máy hành chính địa phương hoặc các cơ quan chuyên môn thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương*”. nhưng trên thực tế, bằng Nghị định ngày 16-5-1906, Toàn quyền Beau đã bộc lộ khá nhiều tham vọng: trường ĐHDD sẽ trở thành cơ quan đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn ở Đông Dương, có thể cạnh tranh với các trường đại học của các nước phương Đông, đặc biệt là Nhật Bản.

Như vậy là, cho đến trước năm 1906 là năm Pháp tiến hành cải cách giáo dục, nền giáo dục ở Đông Dương vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của công cuộc khai thác thuộc địa. Nhu cầu về trình độ của đội ngũ công chức là một trong những lý do chính yếu khiến chính quyền thuộc địa phải nghĩ đến việc xây dựng một nền đại học tại chỗ.

Mặt khác, vào đầu thế kỷ XX, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam có những chuyển biến quan trọng. Ngọn cờ Cần Vương thất bại, dưới ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài dội vào nước ta, đặc biệt là từ Trung Quốc và Nhật Bản, phong trào yêu nước dần chuyển sang khuynh hướng mới. Phong trào đấu tranh đòi canh tân đất nước, mở trường học, lập hội buôn, đưa thanh niên

xuất dương cầu viện phát triển mạnh mẽ. Lúc này, giáo dục yêu nước đã hòa nhập trong phong trào yêu nước, tiêu biểu là các phong trào Đông du, Đông Kinh Nghĩa Thục, các trường học duy tân ở miền Trung (Dục Thanh ở Phan Thiết, Phước Bình, Phú Lâm, Diên Phong ở Quảng Nam v.v...). Các phong trào yêu nước đó đều mang những nội dung và mục đích cụ thể: học để làm cho dân giàu nước mạnh, học để tìm kế sách giành độc lập cho nước nhà. Mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp nên chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nhưng các phong trào đó đã thổi một luồng gió mới vào phong trào yêu nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là thanh niên. Các phong trào đó đã trở thành mối đe dọa trực tiếp đối với chính quyền thực dân, thôi thúc Pháp phải mở ĐHDD nhằm ngăn chặn phong trào xuất dương cầu viện của thanh niên, xóa bỏ ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thực, tranh giành ảnh hưởng với các trường học duy tân trong nước, tuyên truyền cho thế lực và ảnh hưởng của Pháp ở Viễn Đông, quét sạch ảnh hưởng của Trung Hoa.

Tóm lại, ĐHDD ra đời không chỉ nhằm mục tiêu đào tạo đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu khoa học giảng dạy đi đôi với đào tạo viên chức phục vụ bộ máy cai trị và bóc lột của Pháp ở Đông Dương, mà còn nhằm giải quyết những vấn đề chính trị cấp thiết lúc bấy giờ và khai dẫn cho các thuộc địa biết đến nền văn minh học thuật của nước Pháp. Sự thành lập của ĐHDD không đơn thuần chỉ là một sự kiện của nền giáo dục mà còn là một sự kiện có ảnh hưởng đến các mục tiêu chính trị, kinh tế và văn hóa của Pháp ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

II. Vấn đề đào tạo của trường Đại học Đông Dương

Trong khuôn khổ của cuộc Hội thảo về 100 năm công tác nghiên cứu và đào tạo ở Việt Nam, bản báo cáo này xin được trình bày một số vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực đào tạo của trường ĐHDD thời kỳ đầu thành lập (1906-1908), đó là về nhiệm vụ đào tạo, đội ngũ giáo viên và thành phần sinh viên của Trường.

1. Nhiệm vụ đào tạo

Nhiệm vụ đào tạo của ĐHDD được quy định rất rõ trong các điều 1 và 3 của Nghị định ngày 16-5-1906:

“Cơ sở đào tạo này có nhiệm vụ phổ biến ở Viễn Đông, chủ yếu là thông qua tiếng Pháp, những kiến thức về các ngành khoa học và các phương pháp châu Âu” (điều 1).

“Trường Đại học có thể kết hợp với các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy đã hoặc sẽ được thành lập ở thuộc địa, nhưng không được can thiệp vào quyền tự trị của các cơ sở này” (điều 3).

Để thực hiện nhiệm vụ trên, trường ĐHDD được tổ chức với 5 trường thành viên:

+ Trường Luật và Hành chính gồm ba khoa dự kiến được thành lập bởi Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục Bản xứ:

- Khoa thứ nhất đã có từ trước, đó chính là Trường Hậu bổ Hà Nội được thành lập theo Nghị định 20-6-1903, là nơi đào tạo nên hệ thống quan lại cho bộ máy hành chính người bản xứ. Năm 1912, Trường Hậu bổ đổi tên thành Trường Sĩ hoạn (*Ecole des Mandarins*).

- Khoa thứ hai có nhiệm vụ đào tạo ra những thư ký người bản xứ phục vụ trong bộ máy chính quyền thuộc địa.

- Khoa thứ ba hơi có tính chất thương mại một chút, nhằm đào tạo ra những thư ký người bản xứ phục vụ trong ngành thuế quan và thương chính.

+ Trường Cao đẳng khoa học: gồm các ngành toán, vật lý, hóa học và sinh vật. Nhiệm vụ của trường là đào tạo những người làm công tác nghiên cứu khoa học và những giáo viên trung học hoặc cao đẳng sư phạm. Trường phải được trang bị các phòng thí nghiệm và khoá học của năm thứ nhất thì không phải chỉ dành riêng cho sinh viên của trường này mà còn cho sinh viên của các trường khác như trường Y, trường Xây dựng dân dụng.

+ Trường Cao đẳng Y khoa: đây chính là Trường Y khoa Đông Dương được thành lập theo Nghị định ngày 8-1-1902 như đã đề cập ở trên. Cũng như Trường Hậu bổ Hà Nội, khi ĐHDD ra đời, trường trở thành một trường thành viên trong mái nhà chung Đại học Đông Dương. Nhiệm vụ của trường là đào tạo y sĩ và dược sĩ phụ tá (*médecins et pharmaciens auxiliaires*), hạn học 4 năm về y tá và 3 năm về dược. Trong trường còn có lớp nữ hộ sinh bản xứ (*sages-femmes indines*) học trong hai năm, vào học phải có bằng tiểu học.

+ Trường Cao đẳng Xây dựng dân dụng có ba khoa dự kiến được thành lập:

- Cầu - Đường bộ, Đường sắt và Mỏ (thực chất là những ngành của trường Công chính được thành lập từ 22-2-1902).

- Điện khí thực hành (bao gồm cả ngành bưu điện và điện tín).

- Nông - Lâm - Vệ sinh dịch tễ.

+ Trường Cao đẳng Văn chương: dạy ngôn ngữ và văn học cổ điển phương Đông, lịch sử và địa lý các nước Viễn

Đông, lịch sử văn học Pháp và nước ngoài, lịch sử triết học và lịch sử nghệ thuật.

Chương trình của các khoá học và các trường do Hội đồng quản trị (*Conseil d'Administration*) của Trường soạn thảo với sự phê chuẩn của Toàn quyền.

Nhìn chung, ĐHDD được thành lập trên cơ sở một số trường đã được thành lập trước đó và mở thêm một số ngành đào tạo mới. ĐHDD hướng đến giảng dạy cả các ngành khoa học cơ bản lẫn giáo dục nghề nghiệp.

2. Đội ngũ giáo viên

Theo chương trình khoá học 1907-1908, đội ngũ những người phụ trách giảng dạy các môn học được quy định như sau [3]:

- Môn vật lý: do bác sĩ Audhuy, Trung úy quân y, nguyên Điều chế viên vật lý của Trường Y ở Bordeaux phụ trách giảng dạy.

- Môn hoá học đại cương: do Bloch, Dược sĩ quân y, nguyên Điều chế viên hoá học của Trường Cao đẳng Dược ở Nancy phụ trách giảng dạy.

- Môn hoá công nghiệp và kỹ nghệ: do Barbotin, Giám đốc trường dạy nghề ở Hà Nội, Kỹ sư về nghệ thuật và chế tạo máy phụ trách giảng dạy.

- Môn toán học, cơ khí và vũ trụ học: do Rieus, Kỹ sư về nghệ thuật và chế tạo máy, Giáo sư trường Giao thông - Công chính phụ trách giảng dạy.

- Môn động vật học, thực vật học và địa chất học: do Eberhardt, Thanh tra nông nghiệp, Tiến sĩ khoa học, nguyên Điều chế viên thực vật của Khoa khoa học Trường Đại học Tổng hợp ở Paris phụ trách giảng dạy.

- Môn sinh lý học và vệ sinh: do Dumas, Bác sĩ chính trong quân đội thuộc địa, Bác sĩ trưởng Quân y viện ở Hà Nội phụ trách giảng dạy.

- Môn ngôn ngữ và văn học Pháp: do Péri, thành viên trường Viễn đông Bác cổ Pháp phụ trách giảng dạy.

- Môn lịch sử so sánh triết học: do E.Maitre, Giám đốc trường Viễn đông Bác cổ Pháp, thạc sĩ triết học phụ trách giảng dạy.

- Môn pháp luật nước Pháp: do Dartiguenave, Chủ tịch Toà án dân sự Hà Nội phụ trách giảng dạy.

- Môn kinh tế chính trị: do Delestré, Thẩm phán thay biện lý của Tổng kiểm sát trưởng Đông Dương phụ trách giảng dạy.

- Môn pháp chế nền hành chính An-nam: do Prêtre, Quản lý hành chính hạng nhất của Sở quản lý các công việc dân sự, phụ tá Thống sứ Bắc Kỳ phụ trách giảng dạy.

- Môn giáo dục học đại cương: do Gourdon, Tổng Giám đốc Học chính Đông Dương phụ trách giảng dạy.

- Môn lịch sử đại cương và địa lý đại cương: do Russier, Trưởng ban Thư ký của Sở Học chính Đông Dương, Tiến sĩ khoa học phụ trách giảng dạy.

- Môn lịch sử Đông Dương và Viễn đông: do Maybon, Giám đốc trường Pavie, phụ trách giảng dạy tại trường Viễn đông Bác cổ Pháp, phụ trách giảng dạy.

- Môn giáo dục thực hành và tổ chức trường học: do Mus, Giám đốc trường Normale d'Instituteurs Hà Nội phụ trách giảng dạy.

Các lớp thực hành về vật lý do bác sĩ Audhuy phụ trách, về hoá học đại cương

do Bloch phụ trách, về hoá công nghiệp do Barbotin phụ trách và về khoa học tự nhiên do Eberhardt phụ trách.

Qua bảng phân công trên người ta dễ dàng nhận thấy:

- Chỉ có ba trong số năm trường đã được định hình các môn học, đó là các trường Cao đẳng Văn chương, trường Cao đẳng khoa học và trường Luật và Hành chính. Còn lại hai trường là trường Cao đẳng Y khoa và trường Cao đẳng Xây dựng dân dụng thì vẫn còn ở ngoài tổ chức mới.

- Giảng viên là những người được chọn trong tất cả các công sở hành chính ở Đông Dương, không phải là các chuyên gia có chất lượng hay các giảng viên, giáo sư thực sự ở bậc đại học. Chính vì hầu hết giảng viên là các công chức nên các giờ học của các trường thuộc ĐHDD đã được tổ chức vào buổi tối, từ 5 giờ đến 10 giờ, nhằm tránh làm đảo lộn giờ làm việc của các công sở. Những môn cần làm thí nghiệm thì học vào sáng thứ năm hàng tuần.

3. Thành phần sinh viên

Các điều kiện đối với sinh viên muốn theo học tại trường ĐHDD được quy định rõ trong Nghị định số 1514a ngày 16-5-1906:

“Không một sinh viên nào xuất thân từ một trong năm nước thuộc xứ Đông Dương được phép theo học tại trường đại học nếu không có bằng tốt nghiệp giáo dục bổ túc bản xứ (diplôme de fin d'études de l'Enseignement complémentaire indigène) hoặc một văn bằng bản xứ tương đương (tú tài, cử nhân và tạm thời là âm sinh, tôn sinh...).

Những người nước ngoài, theo biện pháp quá độ, cả các thuộc dân và dân

bảo hộ của nước Pháp, sẽ được nhận vào học tại trường Đại học tùy theo trình độ tương đương được quy định hoặc sau một kỳ thi vào trường” (điều 4).

“Trừ sự cho phép đặc biệt, mỗi sinh viên chỉ được ghi tên vào một trường, nhưng một số môn học chung cho hai hoặc nhiều trường sẽ được lập” (điều 5).

Ngoài những điều kiện chung cho tất cả những người muốn được ghi tên vào học tại trường ĐHDD (đơn yêu cầu ghi đầy đủ tên tuổi, địa chỉ, công việc đang làm, các văn bằng đại học đã đạt được, khoa định ghi danh và các môn định theo học), nội quy của Trường còn quy định các điều kiện ưu tiên cho những người đã có bằng tốt nghiệp trường Chasseloup-Lauba hoặc đã có bằng tốt nghiệp bổ túc, những người đã có chứng chỉ của hệ giáo dục bản xứ như cử nhân hay tú tài sẽ được nhận nếu họ chứng tỏ có đủ khả năng về tiếng Pháp và cuối cùng là những người không có bất cứ một loại văn bằng nào cũng được nhận nếu có ý kiến ủng hộ của Hội đồng Hoàn thiện trường Đại học (*Conseil de Perfectionnement de l'Université*)⁽³⁾. Các điều khoản về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên chính thức và dự bị trong việc tham gia các môn học lý thuyết và các môn thực hành hoặc đọc sách tại thư viện... đều được quy định rõ trong bản nội quy của Trường[3].

Cuối tháng 11-1907, trường ĐHDD đã tổ chức lễ khai giảng đầu tiên với sự có mặt của 94 sinh viên mới, 62 sinh viên dự thính và 37 sinh viên năm thứ nhất trường Y sẽ tham dự một số giờ học của môn khoa học của Trường, tổng cộng

⁽³⁾ *Conseil de Perfectionnement de l'Université* được thành lập theo Nghị định ngày 8-5-1907 của Toàn quyền Đông Dương.

gồm 193 sinh viên. Trong năm học đầu tiên này, một số viên chức các Sở chuyên môn tuy không theo học chính thức nhưng cũng được phép tham gia các giờ thực hành tại các trường thuộc ĐHĐD⁽⁴⁾.

Vì nhiều lý do, con số sinh viên mới ngày càng giảm dần, từ 94 còn 68 (tháng 12-1907), sau Tết Nguyên đán còn lại 46 và cho đến cuối năm học, số sinh viên chính thức chỉ còn lại 41 người. Số sinh viên này có các thành phần như sau:

Thành phần sinh viên Đại học Đông Dương trong năm học 1907-1908[2, tr.8]

STT	Thành phần	Số người
1	Nha học chính	19
2	Thư ký hoặc thông ngôn của:	1
	- Các cơ quan trực thuộc Phủ Toàn quyền	
	- Phủ Thống sứ Bắc Kỳ	
	- Toà Đốc lý Hà Nội	
	- Sở Giáo dục	
	- Trường Viễn đông Bác cổ	
	- Sở Giao thông Công chính	
	- Sở Nông nghiệp	
	- Toà án	
3	Viên chức của các hãng buôn hoặc các cơ quan tư nhân	3
4	Sinh viên tự do	2
	Tổng cộng	41

Tên trường và số sinh viên năm học 1907-1908 [2, tr.8]

Trường	Số người
Cao đẳng Khoa học	16
Văn chương	14
Luật	11

⁽⁴⁾ Có hai viên chức thuộc Sở Nông Lâm Thương mại Đông Dương được phép tham gia các giờ thực hành tại các trường thuộc Đại học Đông Dương: Bùi Văn Thuận, nhân viên chính ngạch hạng hai và Nguyễn Như Phan, phụ tá thư ký hạng hai được phép theo các môn Hoá học đại cương, Hoá công nghiệp, Thực vật và Động vật. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (TTLTQG I), phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương (*fonds du Gouvernement général de l'Indochine - GGI*), hồ sơ: 2819.

Trong năm học đầu tiên, 41 sinh viên chính thức của trường đã chứng tỏ rằng họ có thể tốt nghiệp và vượt qua kỳ thi với kết quả tốt để bước sang năm học thứ hai. Ngay cuối năm học, 39 sinh viên mới đã yêu cầu được ghi tên đăng ký theo học. Sau 1 năm hoạt động, tháng 11-1908, trường đã có 41 sinh viên năm thứ hai và một khối lượng sinh viên ít hơn chuẩn bị vào năm thứ nhất, chưa kể số sinh viên dự thính...

4. Cơ sở vật chất của trường Đại học Đông Dương

Một vấn đề cần phải nêu lên, đó là cơ sở vật chất, một điều kiện quan trọng cần phải có để đảm bảo cho sự hoạt động của bất cứ một tổ chức nào. Ở đây có thể nói rằng, trường ĐHĐD được sắp đặt trong một điều kiện hết sức tiết kiệm. Các lớp học và thư viện được bố trí tại một góc trong dinh thự cũ của viên Toàn quyền ở khu nhượng địa (sau này trở thành Bảo tàng trường Viễn đông Bác cổ).

Vào tháng 6-1908, thư viện trường ĐHĐD với hơn một nghìn cuốn sách do các cơ quan chuyên môn như mỏ, nông nghiệp và một số cơ quan khác biếu tặng đã mở cửa cho sinh viên đến tra cứu. Các phòng thí nghiệm hoá, vật lý và các môn khoa học tự nhiên cũng bắt đầu được xây dựng để chào đón năm học tiếp theo, năm học 1908.

Nhằm mục đích “*đào tạo nhân viên bản xứ cho các bộ máy hành chính địa phương hoặc các cơ quan chuyên môn thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương*” nên các khoản chi tiêu cho hoạt động của các khoá học và các trường thuộc trường ĐHĐD đều do ngân sách của các cơ quan hành chính địa phương và ngân sách

động dư luận... Paul Beau đã bị triệu hồi về Pháp và thay vào đó là Klobukowski. Nguyên là con rể của Paul Bert, đối với Klobukowski không có sự e ngại nào để thi hành chính sách chống tự do. Klobukowski tiếp tục cho phát triển giáo dục cấp 1 và 2. Nhưng Klobukowski cũng bày tỏ hy vọng sớm thành lập một nền giáo dục đại học. Theo Klobukowski, cần phải chờ đợi để Đông Dương có một trường Đại học với điều kiện cần thiết là phải có sự tiến bộ chung về học tập, vì sự tiến bộ này sẽ đào tạo nên những học sinh có chất lượng tốt, sẵn sàng tiếp nhận một nền giáo dục đại học của Pháp.

5. Đánh giá chung

Tuy nhiên, cần phải có sự đánh giá công bằng đối với một khởi xướng rất nhanh như thế của Toàn quyền Beau và những người Pháp có tâm với giáo dục. Họ đã mong muốn thành lập một cơ quan đào tạo và nghiên cứu lớn và đã có những cố gắng đáng trân trọng, dù nó bao hàm cả động cơ chính trị. Mặc dù

trường ĐHDD đã phải đóng cửa sau một năm hoạt động vì mục đích cũng như chương trình đào tạo của nó chưa phù hợp với điều kiện thực tế lúc đó song trên thực tế, những sinh viên được trường ĐHDD đào tạo dù chỉ trong một năm học cũng đã không ngừng đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Nhiều sinh viên của Trường đã tiếp thu được những khái niệm vững chắc cần thiết cho nghề nghiệp của họ, sự ham thích thực sự đối với khoa học, và nhất là về phương pháp giảng dạy, phương pháp mà sau này đã được phát hiện trong rất nhiều sách giáo khoa phổ biến khoa học tập hợp về sau do một vài người trong số họ soạn ra [5].

Thực tế trong vòng 10 năm sau, từ giữa 1907 đến 1917, nền giáo dục bậc cấp 2, cả giáo dục bản xứ lẫn giáo dục Pháp ở Đông Dương đã phát triển rất tốt, chuẩn bị cho những sinh viên theo được giáo dục cấp 3, là bậc giáo dục thực sự cao, tạo điều kiện vững chắc cho sự hồi sinh của trường ĐHDD vào năm 1917.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công báo Đông Dương thuộc Pháp (*Journal officiel de l'Indochine française* - JOIF), 11-6-1906.
2. Direction de l'Instruction Publique - C. Mus, Directeur de l'École supérieure de Pédagogie de l'Université Indochinoise, "*La Première Université Indochinoise*", Hanoi, Imprimerie G. Taupin & Cie, 1927.
3. Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp ở Aix-en Provence (*Centre des Archives d'Outre Mer* - CAOM), Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương (*fonds du Gouvernement général de l'Indochine* - GGI), hồ sơ 48.042.
4. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I - Hà Nội, Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương.
5. Trần Văn Thông, (Đốc học, Directeur des cours à l'École des Hâu bổ), "*Ấu học Quốc ngữ Tân thư*", Hà Nội - Hải Phòng, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1908. Sách gồm 2 phần: phần I có 3 tập: tập 1 (Toán pháp); tập 2 (Địa dư); tập 3 (Cách trí-Vệ sinh); phần II: Cai trị - Lễ pháp - Phong tục.

THE ISSUE OF TRAINING BY THE INDOCHINESE UNIVERSITY IN ITS EARLY YEARS (1906-1908)

Dr. Dao Thi Dien

National Archives Sciences I, Hanoi

By studying the archives that are now preserved in the Center of National Archives No.1 in Hanoi and the overseas archives center in Aix-en provence (in the South of France) and have not been publicized, the Report tries to describe the process of establishing the Indochinese University in 1906 under the first education reform initiated by Paul Beau, the Governor-General of Indochina at that time. The Report describes the initial organizational structure of the University as well as its curriculum, the contingent of teachers and students in the early phase. The role of Governor-General Paul Beau in the foundation of the University is also confirmed in the Report.

Besides, the Report provides the exact information related to the first academic year of 1907-1908 of the Indochinese University with specific statistics about its number of students as well as its facilities.

Based on scientific analysis, the Report explains a number of main reasons that gave rise to the closure of the University after only one year of operation. These reasons were mainly prompted from the training problem:

- The curriculum didn't respond to the practical situation.
- Most of the teachers were not professional university professors but high-level civil servants working in the civil service.
- The academic level of its students didn't live up to the requirements of higher education.

In addition, the unfavorable political landscape of the country at that time also caused the first university in Indochina to temporarily suspend its operation. Despite its short existence, this well-known University provided encouraging results of the first education reform launched by Paul Beau and created firm conditions for its revival in 1917.